

Số: 691 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 09 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và điều chỉnh, bổ sung giá trị cho một số hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định (đợt 28)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất ở cụ thể để lập

phương án bồi thường, GPMB dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định tại Tờ trình số 26/TTr-HĐBT ngày 03/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và điều chỉnh, bổ sung giá trị cho một số hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh (đợt 28), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp và tài sản trên đất cho một số hộ dân và tổ chức; chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **2.749.775.596 đồng** (Hai tỷ, bảy trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm chín mươi sáu đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 2.695.858.428 đồng.

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 53.917.169 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)

2. Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp và tài sản trên đất cho một số hộ dân, tổ chức (phần diện tích nằm trong quy hoạch dự kiến xây dựng đường cao tốc); chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **458.388 đồng** (Bốn trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm tám mươi tám đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 449.400 đồng.

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 8.988 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)

3. Điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ của 01 hộ dân đã được phê duyệt tại Quyết định số 4060/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh (bao gồm giá trị BT, HT, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng cưỡng chế) là: **466.503.666 đồng** (Bốn trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm lẻ ba nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

(Chi tiết như Phụ lục số 03 kèm theo Quyết định này)

4. Điều chỉnh giá trị đã được phê duyệt tại Mục 6 Điều 1 Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

(Chi tiết như Phụ lục số 04 kèm theo Quyết định này)

* Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Công ty cổ phần Becamex Bình Định.

Điều 2. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, cơ quan Thường trực của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện Dự án Đầu tư

xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Giám đốc Công ty cổ phần Becamex Bình Định; Chủ tịch UBND huyện Vân Canh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục số 01

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN VÀ TỔ CHỨC BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX BÌNH ĐỊNH TẠI XÃ CANH VINH, HUYỆN VÂN CANH (ĐỢT 28)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân, tổ chức	Địa chỉ	Nhân khẩu	Thông tin theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất bị thu hồi do đặc năm 2017					Loại đất	Vị trí	Hạng/nhóm đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ					Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
				Thửa đất số	Tờ bản đồ	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)				Bồi thường về đất	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề	Hỗ trợ ổn định đời sống	Bồi thường vật kiến trúc	Bồi thường cây cối, hoa màu		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18= (13+..+17)	
I	Đất của hộ gia đình, cá nhân			25		141.160,0	60.348,0	23.940,5				918.991.600	1.247.068.200	6.318.000	70.351.178	453.129.450	2.695.858.428	
1	Nguyễn Văn Hà	số 157 Nguyễn Thái Học, P. Ngõ Mây, thành phố Quy Nhơn		202	3	20.051,3	2.443,9	17.607,4	CLN	1	5	56.209.700	0			19.246.500	75.456.200	
2	Hồ Thị Có, con Nguyễn Văn Tin ĐĐKK	Tân Vinh		49	27	531,9	36,9	495,0	RSX	2	1	516.600	774.900			3.813.600	5.105.100	495m2 đất UBND xã quản lý
3	Trần Thị Nghiêm	Hiệp Vinh 2		348	20	191,6	191,6	0,0	RSX	2	1	2.682.400	4.023.600			1.507.800	8.213.800	
4	Nguyễn Ngọc Quý	Hiệp Vinh 1		442	2	7.817,9	6.728,6	1.089,3	RSX	2	1	94.200.400	141.300.600	1.053.000		44.553.600	281.107.600	
5	Đào Văn Tâm, vợ Lê Thị Mai	Tân Vinh		176	6	1.194,5	83,3	1.111,2	RSX	2	1	1.166.200	1.749.300			1.324.800	4.240.300	
6	Võ Duy Huê vợ Nguyễn Thị Kim Lan	Hiệp Vinh 2		386	2	6.053,9	6.053,9	0,0	RSX	2	1	84.754.600	127.131.900			43.505.700	255.392.200	
7	Phạm Ngọc Diệp, vợ Nguyễn Thị Hoa	An Long 2		49	2	1.137,7	1.137,7	0,0	RSX	2	1	15.927.800	23.891.700			8.185.800	48.005.300	

STT	Hộ dân, tổ chức	Địa chỉ	Nhà n khắ u	Thông tin theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất bị thu hồi đo đạc năm 2017					Loại đất	Vị trí	Hạng/ nhóm đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ					Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
				Thửa đất số	Tờ bản đồ	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m²)	Diện tích thu hồi (m²)	Diện tích còn lại (m²)				Bồi thường về đất	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề	Hỗ trợ ổn định đời sống	Bồi thường vật kiến trúc	Bồi thường cây cối, hoa màu		
8	Nguyễn Thị Đăng Hồng	Tân Vinh		24	19	698,8	698,8	0,0	RSX	2	1	9.783.200	14.674.800			5.029.500	29.487.500	
9	Lê Văn Hoà	Tân Vinh		16	6	1.733,7	1.733,7	0,0	RSX	2	1	24.271.800	36.407.700			12.469.800	73.149.300	
10	Nguyễn Văn Bạ	Hiệp Vinh 1		79	6	1.745,8	0,0	1.745,8								6.598.200	6.598.200	đất UBND xã quản lý
11	Nguyễn Ngọc Hùng vợ Huỳnh Thị Khương	Hiệp Vinh 2		18	27	1.891,8	0,0	1.891,8								7.786.800	7.786.800	đất UBND xã quản lý
12	Nguyễn Xuân Phương, vợ Trần thị Lan	Tân Vinh		38	6	7.902,2	7.902,2	0,0	RSX	2	1	110.630.800	165.946.200			56.784.000	333.361.000	
13	Trần Thị Ba	Hiệp Vinh 2		107	20	1.081,9	670,0	0,0	ĐM	1	6	29.216.600	78.999.900			3.240.000	111.456.500	
							411,9		RSX	2	1							
14	Trần Ngọc Đức	Hiệp Vinh 2		306	20	477,6	477,6	0,0	RSX	2	1	29.149.400	43.724.100			3.961.500	76.835.000	
				108	20	1.604,5	1.604,5	0,0	RSX	2	1							
15	Nguyễn Đức Quang, vợ Nguyễn Thị Thái	Tân Vinh		445	2	2.128,2	2.128,2	0,0	RSX	2	1	65.322.600	97.983.900			22.183.800	185.490.300	
				457	2	2.537,7	2.537,7	0,0	RSX	2	1							
16	Đào Tấn Phước (chết) vợ Nguyễn Thị Lê	Tân Vinh	3	5	27	1.896,8	1.403,9	492,9	LUK	1	6	49.136.500	147.409.500	3.159.000		6.317.550	206.022.550	
17	Nguyễn Văn Hùng, vợ Nguyễn Thị Hữu	Hiệp Vinh 2		145	21	2.356,7	304,2	2.052,5	LUK	1	6	10.647.000	31.941.000		31.187.000	6.541.000	80.316.000	

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

Phụ lục số 02

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN VÀ TỔ CHỨC CÓ DIỆN TÍCH NẪM TRONG QUY HOẠCH DỰ KIẾN XÂY DỰNG ĐƯỜNG CAO TỐC ĐI QUA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX BÌNH ĐỊNH TẠI XÃ CANH VINH, HUYỆN VÂN CANH (ĐỢT 28)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

[illegible]

Phụ lục số 03

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH GIẢM GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA 01 HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX BÌNH ĐỊNH TẠI XÃ CANH VINH, HUYỆN VÂN CANH (ĐỢT 28)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Thông tin theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất bị thu					Giá trị điều chỉnh giảm	Ghi chú
			Thửa đất số	Tờ bản đồ	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
Quyết định 4060/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh									
1	Nguyễn Thị Thừa, ủy quyền kê khai Đỗ Minh Hải	105 Vũ Bảo, tp. Quy Nhơn	117	3	47.823,2	15.061,1	32.762,1	456.461.513	Điều chỉnh giảm diện tích thu hồi, giá trị bồi thường, hỗ trợ.
A-	Giá trị điều chỉnh giảm							456.461.513	
B-	Giảm chi phí phục vụ GPMB: (A*2%)							9.129.230	
C-	Giảm chi phí dự trù cưỡng chế : (B*10%)							912.923	
D-	Tổng cộng (A+B+C)							466.503.666	

Phụ lục số 04

**BẢNG ĐIỀU CHỈNH GIÁ TRỊ ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI MỤC 6 ĐIỀU 1 QUYẾT ĐỊNH
SỐ 95/QĐ-UBND NGÀY 10/01/2023 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Giá trị đã được phê duyệt	Giá trị điều chỉnh	Ghi chú
Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh				
1	Giá trị bồi thường, hỗ trợ mô mả, vật kiến trúc cho 01 hộ dân; chi phí phục vụ công tác GPMB (2%)	45.549.060 đồng	41.549.060 đồng	Tại Mục 6 Điều 1 của Quyết định 95/QĐ- UBND ngày 10/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh